ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 418 /QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh
Email: vpubnd@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 30.01.2019 15:48:33 +07:00
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ "v/v phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020"; Văn bản số 1607/TTg-KTN ngày 09/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ "V/v bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 Khu dịch vụ cảng biển, cảng biển, công nghiệp và đô thị tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên";

Căn cứ Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Quảng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050";

Căn cứ Quyết định số 4898/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên";

Căn cứ Văn bản số 3209/BXD-QHKT ngày 20/12/2018 của Bộ Xây dựng "V/v cho ý kiến về đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh";

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày 25/01/2019 về việc trình duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích

1.1. Pham vi nghiên cứu tại xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên thuộc Khu dịch vụ cảng biển, cảng biển, công nghiệp và đô thị tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên; giới hạn như sau: Phía Bắc và phía Đông giáp sông Rút; Phía Nam giáp sông Bạch Đằng; Phía Tây giáp quy hoạch chi tiết dự án Khu công nghiệp, cảng tổng hợp và dịch vụ kho bãi và duyến đường Hạ Long – Hải Phòng.

1.2. Tổng diện tích quy hoạch là 1.484,8ha (*gồm đất khu công nghiệp, cảng biển và đất giao thông đối ngoại*), trong đó:

- Đất khu công nghiệp, cảng biển là 1.430,8 ha, giới hạn bởi các điểm B1 đến B13, C1 đến C15, D1, D2.

- Đất giao thông đối ngoại là 53,6ha, giới hạn bởi các điểm B2 đến B8, C1, C10 đến C15, D1 và D2.

2. Tính chất, quy mô.

2.1. Tính chất: Là khu vực phát triển hệ thống Cảng biển hiện đại, Dịch vụ cảng, Logistics và các ngành công nghiệp liên quan cảng, tập trung vào các ngành công nghiệp có yêu cầu khối lượng vận tải biển lớn, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp tiêu dùng, chế biến thủy sản và phát triển các loại hình công nghiệp gắn trực tiếp với bến cảng để hình thành các khu vực cảng container, cảng hàng lỏng và cảng chuyên dụng.

2.2. Quy mô:

- Quy mô đất công nghiệp 479ha; đất khu dịch vụ cảng biển 390ha (25÷30 bến/5.500md, cho tàu đến 20.000DWT, năng lực bốc xếp 25÷30 triệu tấn/năm); đất Khu logistics, ICD 45,7ha; đất Khu dịch vụ văn phòng, thương mại 63,4ha.

- Tổng lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất, cảng biển, văn phòng, dịch vụ,... trong khu công nghiệp khoảng 30.000÷ 35.000 người.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hoá định hướng Quy hoạch chung thị xã Quảng Yên và Quy hoạch chung Khu dịch vụ cảng biển, cảng biển, công nghiệp và đô thị tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên đã được phê duyệt; làm cơ sở để hình thành, phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống cảng biển hiện đại, dịch vụ cảng, logistics và các ngành công nghiệp liên quan cảng; hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực; sử dụng hiệu quả, phát huy lợi thế và giá trị sử dụng khu đất;

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư, đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn khu theo định hướng quy hoạch chung được duyệt; đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận;

- Làm cơ sở để quản lý phát triển và triển khai các bước tiếp theo và các dự án thành phần theo quy định.

4. Các khu chức năng

Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên gồm 04 khu chức năng chính được phân định bởi các kênh nước và các dải cây xanh lớn, gồm:

(1) Khu trung tâm dịch vụ văn phòng: Vị trí đặt tại trung tâm của khu công nghiệp và cảng biển, giáp trục đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long; bố trí các

công trình văn phòng điều hành, các công trình có chức năng cung cấp các dịch vụ cần thiết cho hoạt động của khu công nghiệp;

(2) Khu dịch vụ cảng biển: Bố trí tại dải đất phía Nam của khu công nghiệp, giáp luồng Bạch Đằng; bến cảng được bố trí gắn với khu công nghiệp cảng, quy mô đất khoảng 390ha. Khu vực công nghiệp cảng cho phép bố trí hệ thống kho bãi container, kho hàng rời, kho hàng đông lạnh và kho hàng lỏng nếu cần thiết; đồng thời cho phép phát triển các loại hình công nghiệp gắn trực tiếp với bến cảng để hình thành các khu vực cảng chuyên dụng;

(3) Khu đất công nghiệp: Tổng diện tích khoảng 500ha, chiếm phần lớn diện tích quỹ đất quy hoạch; khu vực được phân chia theo các ngành, gồm:

+ Công nghiệp nhẹ bao gồm các ngành công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến như: dệt, may, da, giày, giấy, thủy tinh, nhựa, rượu, bia, nước giải khát, sữa, bánh kẹo, dầu thực vật, thuốc lá, chế biến bột và tinh bột và một số ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp phụ trợ...;

+ Công nghiệp nặng bao gồm cơ khí, tự động hoá, cơ điện tử, điện tử công nghiệp. Ngoài ra còn có các loại hình công nghiệp khác như vật liệu xây dựng, hóa chất, hóa dầu....

(4) Khu công trình đầu mối hạ tầng được phân bố theo 03 khu vực, trong đó khu vực 1 nằm tại phía Đông khu công nghiệp, phía Bắc trục giao thông đối ngoại có quy mô gồm 1 trạm biến áp tổng cấp điện cho toàn bộ khu công nghiệp và các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối khác; khu vực 2 nằm tại phía Tây Nam trục giao thông đối ngoại, gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ cho phân khu phía Tây Nam khu công nghiệp; khu vực 3 nằm phía Đông khu công nghiệp, phía Nam trục giao thông đối ngoại, gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ cho phân khu phía Đông Nam của khu công nghiệp.

5. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu kỹ thuật các loại đất

5.1. Cơ cấu sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ
I	Đất khu công nghiệp và cảng biển	1.431,2	100,00
1.1	Đất dịch vụ cảng	390,0	27,25
1.2	Đất công nghiệp hóa chất	37,1	2,59
1.3	Đất công nghiệp nặng	213,7	14,93
1.4	Đất dịch vụ Logistic, ICD	48,5	3,39
1.5	Đất bãi xe tĩnh	2,8	0,20
1.6	Đất dịch vụ văn phòng	38,8	2,71
1.7	Đất công nghiệp nhẹ	141,2	9,86
1.8	Đất dịch vụ thương mại	24,6	1,72
1.9	Đất công nghiệp phục vụ nông nghiệp	37,6	2,63
1.10	Đất công nghiệp phụ trợ	49,4	3,45
1.11	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	15,2	1,06
1.12	Đất cây xanh, mặt nước	266,8	18,64
-	Đất cây xanh	176,0	12,29
-	Đất mặt nước	90,8	6,35
1.13	Đất giao thông nội bộ khu công nghiệp	165,5	11,56

II	Đất giao thông đối ngoại	53,6	
	Tổng	1.484,8	

5.2. Danh mục sử dụng đất khu bến bãi, công nghiệp và dịch vụ hành chính

Stt	Danh mục các lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
A	Đất khu công nghiệp và cảng biển		1.431,2
I	Đất dịch vụ cảng	CB	390,0
1.1	Dịch vụ cảng biển 1	CB1	35,0
1.2	Dịch vụ cảng biển 2	CB2	38,2
1.3	Dịch vụ cảng biển 3	CB3	54,7
1.4	Dịch vụ cảng biển 4	CB4	73,2
1.5	Dịch vụ cảng biển 5	CB5	60,2
1.6	Dịch vụ cảng biển 6	CB6	59,8
1.7	Dịch vụ cảng biển 7	CB7	50,1
1.8	Dịch vụ cảng thủy nội địa 8	CB8	9,4
1.9	Dịch vụ cảng thủy nội địa 9	CB9	9,4
II	Đất công nghiệp hóa chất	HC	37,1
2.1	Công nghiệp hóa chất 1	HC1	16,6
2.2	Công nghiệp hóa chất 2	HC2	20,5
III	Đất công nghiệp nặng	NA	213,7
3.1	Công nghiệp nặng 1	NA1	13,9
3.2	Công nghiệp nặng 2	NA2	6,0
3.3	Công nghiệp nặng 3	NA3	20,5
3.4	Công nghiệp nặng 4	NA4	13,0
3.5	Công nghiệp nặng 5	NA5	20,3
3.6	Công nghiệp nặng 6	NA6	25,0
3.7	Công nghiệp nặng 7	NA7	26,4
3.8	Công nghiệp nặng 8	NA8	41,6
3.9	Công nghiệp nặng 9	NA9	9,7
3.10	Công nghiệp nặng 10	NA10	37,3
IV	Đất dịch vụ Logistic, ICD	LG	48,5
4.1	Dịch vụ Logistic, ICD 1	LG1	32,0
4.2	Dịch vụ Logistic, ICD 2	LG2	16,5
V	Đất bãi xe tĩnh	BX	2,8
VI	Đất dịch vụ văn phòng	VP	38,8
6.1	Dịch vụ văn phòng 1	VP1	8,1
6.2	Dịch vụ văn phòng 2	VP2	8,8
6.3	Dịch vụ văn phòng 3	VP3	5,3
6.4	Dịch vụ văn phòng 4	VP4	4,8
6.5	Dịch vụ văn phòng 5	VP5	6,5
6.6	Dịch vụ văn phòng 6	VP6	5,2
VII	Đất công nghiệp nhẹ	NE	141,2
7.1	Công nghiệp nhẹ 1	NE1	16,6

7.2	Công nghiệp nhẹ 2	NE2	16,6
7.3	Công nghiệp nhẹ 3	NE3	16,1
7.4	Công nghiệp nhẹ 4	NE4	15,5
7.5	Công nghiệp nhẹ 5	NE5	16,2
7.6	Công nghiệp nhẹ 6	NE6	29,5
7.7	Công nghiệp nhẹ 7	NE7	30,6
VIII	Đất dịch vụ thương mại	TM	24,6
8.1	Dịch vụ thương mại 1	TM1	6,1
8.2	Dịch vụ thương mại 2	TM2	6,2
8.3	Dịch vụ thương mại 3	TM3	6,1
8.4	Dịch vụ thương mại 4	TM4	6,2
IX	Đất công nghiệp phục vụ nông nghiệp	NN	37,6
9.1	Công nghiệp phục vụ nông nghiệp 1	NN1	15,0
9.2	Công nghiệp phục vụ nông nghiệp 2	NN2	16,0
9.3	Công nghiệp phục vụ nông nghiệp 3	NN3	6,6
X	Đất công nghiệp phụ trợ	PT	49,4
10.1	Công nghiệp phụ trợ 1	PT1	10,4
10.2	Công nghiệp phụ trợ 2	PT2	17,7
10.3	Công nghiệp phụ trợ 3	PT3	21,2
XI	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	HT	15,2
11.1	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối 1	HT1	5,8
11.2	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối 2	HT2	5,5
11.3	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối 3	HT3	3,9
XII	Đất cây xanh, mặt nước	CQ	266,8
12.1	Cây xanh, mặt nước 1	CQ1	31,3
12.1	Cây xanh, mặt nước 2	CQ2	4,9
12.2	Cây xanh, mặt nước 3	CQ3	5,6
12.3	Cây xanh, mặt nước 4	CQ4	5,9
12.4	Cây xanh, mặt nước 5	CQ5	6,9
12.5	Cây xanh, mặt nước 6	CQ6	8,9
12.6	Cây xanh, mặt nước 7	CQ7	14,6
12.7	Cây xanh, mặt nước 8	CQ8	16,2
12.8	Cây xanh, mặt nước 9	CQ9	14,5
12.9	Cây xanh, mặt nước 10	CQ10	14,7
12.10	Cây xanh, mặt nước 11	CQ11	30,3
12.11	Cây xanh, mặt nước 12	CQ12	12,2
12.12	Cây xanh, mặt nước 13	CQ13	16,1
12.13	Cây xanh, mặt nước 11	CQ14	17,4
12.14	Cây xanh cách ly 15	CQ15	2,3
12.15	Cây xanh cách ly bao quanh các lô đất 16	CQ16	65,0
XIII	Đất giao thông nội bộ KHU CÔNG NGHIệP	GT	165,5
B	Đất giao thông đối ngoại	GT2	53,6

	Tổng cộng		1.484,8

5.3. Chỉ tiêu kỹ thuật chính

- Khu nhà máy công nghiệp, dịch vụ cảng, dịch vụ logistics, ICD: Mật độ xây dựng tối đa 60%; tầng cao tối đa: 05 tầng; chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 10,0m so với chỉ giới đường đỏ;

- Khu đất dịch vụ văn phòng, dịch vụ thương mại: Mật độ xây dựng tối đa 40%; tầng cao tối đa: 10 tầng; chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 10,0m so với chỉ giới đường đỏ;

- Khu đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao tối đa: 02 tầng; chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 10,0m so với chỉ giới đường đỏ.

Khi triển khai lập Quy hoạch chi tiết và Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 các Dự án đầu tư thứ cấp thuộc các lô đất Khu dịch vụ hành chính và các Nhà máy công nghiệp, kho bãi sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao xây dựng, khoảng lùi và tỷ lệ các loại đất) đảm bảo quy định tại QCXDVN 01:2008/BXD, yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường đối với khu vực lân cận và các quy định chuyên ngành khác có liên quan.

6. Định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan

- Phát triển trục không gian xanh tự nhiên kết hợp thoát nước dọc theo trục giao thông đối ngoại của khu quy hoạch (hướng Đông-Tây); xây dựng bên trong lõi của khu quy hoạch một hệ thống công viên trung tâm và các dải cây xanh kết nối xuyên suốt, tạo vành đai xanh phân chia các khu chức năng của dự án (*ngăn cách giữa khu công nghiệp nặng và khu văn phòng, dịch vụ, thương mại*); ngoài ra quy hoạch thêm một nhánh cảnh quan xanh theo trục Bắc - Nam, kết nối sông Bạch Đằng, đồng thời tăng cường khả năng thoát nước cho khu quy hoạch; tăng diện tích trữ nước trong điều kiện thời tiết mưa bão, ngập úng, vừa có tác dụng tạo lập thêm cảnh quan xanh cho khu quy hoạch;

- Điểm nhấn về không gian cảnh quan là khu công trình văn phòng, thương mại với giải pháp quy hoạch có mật độ xây dựng thấp, hài hoà với thiên nhiên, phù hợp với chức năng phát triển của khu công nghiệp;

- Các lô đất phát triển nhà máy công nghiệp, cảng biển, logistics,...tổ chức thành các khu vực tập trung; định hướng các chỉ tiêu kỹ thuật, khoảng lùi xây dựng công trình phù hợp đảm bảo tiêu chí về cảnh quan, môi trường.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

7.1. San nền:

- Cao độ san nền xác định từ số liệu quan trắc thủy văn của khu vực, có tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, mực nước dâng, kết nối giao thông với các khu vực lân cận, phù hợp với Quy hoạch chung Khu dịch vụ cảng biển, cảng biển, công nghiệp và đô thị tại khu vực Đầm Nhà Mạc được duyệt, lựa chọn cao độ nền hoàn thiện Khu công nghiệp thấp nhất +3,43m hệ Nhà nước (~ +5,5m hệ Hải đồ); các lô đất được thiết kế dốc về 4 phía, độ dốc nền từng lô đất khoảng 0,1%;

- Tổng khối lượng san lấp khoảng 46,8 triệu m3; vật liệu san nền dự kiến chủ yếu sử dụng cát hoặc đất đồi và nghiên cứu thêm sử dụng các vật liệu khác như tro xỉ nhà máy nhiệt điện, vật liệu từ các bãi thải ngành than...

7.2. Giao thông:

a. Giao thông đối nội theo dạng ô vuông với khoảng cách các lưới đường trục chính là 700÷1.500m, khoảng cách các lưới đường nhánh là 350÷600 m; tỷ lệ đất giao thông khoảng 11,56%; quy mô các tuyến đường như sau:

- Đường kết nối liên vùng (kết nối trục Bắc – Nam) có lộ giới 57,0m, trong đó: Mặt đường chính 15,0m x 2 bên = 30,0m; dải phân cách 15,0m; vỉa hè 6,0m x 2 bên = 12,0m.

- Đường trục chính có lộ giới 36,0m trong đó: Mặt đường chính 10,5m x 2 bên = 21,0m; dải phân cách 3,0m; vỉa hè 6,0m x 2 bên = 12,0m.

- Các trục nhánh có lộ giới 27,0m, trong đó: Mặt đường chính 15,0m; vỉa hè 6,0m x 2 bên = 12,0m.

- Bãi đỗ xe tập trung 2,8ha trên trục giao thông đối ngoại.

b. Giao thông đối ngoại:

*. Đường bộ:

- Đường đối ngoại đi xuyên qua giữa Khu công nghiệp Đầm Nhà Mạc, kết nối với tuyến đường Hạ Long – Hải Phòng, đảo Hà Nam; tuyến đường có lộ giới 57,0m, trong đó: Mặt đường chính 15,0m x 2 bên = 30,0m; dải phân cách 15,0m; vỉa hè 6,0m x 2 bên = 12,0m; tuyến đường kết nối được với tuyến đường Hạ Long – Hải Phòng qua nút giao Đầm Nhà Mạc (nút giao khác mức).

- Xây dựng cầu bắc qua sông Rút kết nối với đảo Hà Nam và tuyến đường Hạ Long – Hải Phòng.

*. Đường biển:

- Đoạn luồng Lạch Huyện (Từ phao "0" đến 02 bến khởi động cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng): Dài khoảng 20km, rộng 160m, độ sâu đạt: -14,0mHĐ.

- Đoạn kênh Hà Nam: dài khoảng 6km, rộng 80m, độ sâu đạt: -7mHĐ.

- Đoạn luồng Bạch Đằng đến vị trí quy hoạch: dài khoảng 10km, rộng 80m, độ sâu đạt: -7mHĐ.

*. Đường thuỷ nội địa: Là điểm đầu mối các tuyến giao thông thủy nội địa khu vực Bắc Bộ theo các tuyến hành lang số 1, số 2 và số 3; theo sông Rút, sông Bạch Đằng, sông Chanh, sông Cấm,... kết nối với mạng đường thủy sông Thái Bình và sông Hồng đi khắp vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

7.3. Thoát nước mưa:

- Thoát nước mưa khu quy hoạch chia làm 3 lưu vực chính, gồm:

+ Lưu vực 1: Nằm phía Bắc khu quy hoạch; hướng thoát về phía Bắc hoặc phía Nam sông Rút (*mương hở dọc theo tuyến đường trục chính*);

+ Lưu vực 2: Nằm phía Đông Nam khu quy hoạch; thoát theo 3 hướng: Phía Đông sông Rút, phía Nam và phía Tây sông Bạch Đằng (*mương hở của khu quy hoạch*);

+ Lưu vực 3: Nằm phía Tây Nam của khu quy hoạch; thoát theo 3 hướng: Hướng Nam, hướng Bắc và hướng Đông sông Bạch Đằng (mương hở của khu quy hoạch).

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập so với hệ thống thoát nước thải; mạng lưới thoát nước gồm rãnh có nắp đan bê tông cốt thép rộng 1,0÷2,0m (đoạn qua

đường sử dụng cống hộp bê tông cốt thép), thu gom nước về các kênh thoát nước chính bề rộng đáy mương: 60÷100m, sau đó thoát ra sông Rút và sông Bạch Đằng.

7.4. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước của khu quy hoạch khoảng 37.000m3/ngđ;

- Nguồn nước cấp từ Nhà máy nước Liên Vị với công suất thiết kế khoảng 65.000m3/ngđ qua tuyến đường ống DN600;

- Trong khu quy hoạch bố trí 03 trạm bơm tăng áp với tổng công suất khoảng 37.000m3/ngđ, trong đó:

+ Trạm 1 (Đặt tại khu HT1): Công suất khoảng 19.000m3/ngđ + 02 bể chứa dung tích khoảng 1.000m3;

+ Trạm 2 (Đặt tại khu HT2): Công suất khoảng 10.000m3/ngđ + 02 bể chứa dung tích khoảng 1.000m3;

+ Trạm 3 (Đặt tại khu HT3): Công suất khoảng 8.000m3/ngđ + 02 bể chứa dung tích khoảng 500m3.

- Mạng lưới cấp nước trong khu quy hoạch được thiết kế dạng mạch vòng, bao gồm 2 hệ đường ống riêng biệt gồm đường ống cấp nước sản xuất và đường ống cấp nước phòng cháy chữa cháy; áp lực nước được tính toán đảm bảo áp lực tại điểm bất lợi nhất trong mạng đảm bảo áp lực tự do H=20m.

7.5. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu phụ tải tính toán cho khu quy hoạch khoảng 190MVA;

- Quy hoạch xây dựng mới trạm biến áp 110/22kV, công suất 3x63MVA đặt tại khu HT1 để cấp điện cho toàn bộ khu công nghiệp; nguồn điện lấy từ trạm biến áp 220/110KV Nam Hoà;

- Xây dựng 06 trạm cắt, công suất từ 25÷35MW phân bố đều trong khu quy hoạch theo nhu cầu phụ tải tính toán của từng khu vực; trong các trạm cắt sẽ bố trí các trạm biến áp hạ thế 22/0,4KV để phục vụ cấp điện cho trạm cắt, chiếu sáng đường và cấp điện cho khu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện cho trạm xử lý nước thải, trạm bơm cấp nước,…);

7.6. Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu thoát nước thải khoảng 30.000m3/ngđ; nước thải từ các nhà máy, từ các công trình dịch vụ và nước thải sinh hoạt thải ra hệ thống thoát nước thải của KHU CÔNG NGHIệP phải đảm bảo chất đạt đến mức C theo QCVN 40-2011/BTNMT;

- Bố trí Trạm xử lý nước thải tập trung của khu quy hoạch tại lô HT2, công suất khoảng 30.000m3/ngđ; định hướng xây dựng trạm xử lý nước thải thành nhiều mođul nhỏ, nằm liền kề nhau, mỗi mođul cho công suất khoảng 2.500÷3.500m3/ngđ, nhằm thuận tiện cho quá trình phân kỳ đầu tư xây dựng (tăng dần theo nhu cầu sử dụng của các nhà máy trong khu quy hoạch), thuận tiện khi vận hành khai thác, linh hoạt với nhiều loại nước thải đầu vào có tính chất cơ lý khác nhau;

- Ống thu gom nước thải tự chảy kích thước D200÷400mm; ống được chôn ngầm dưới vỉa hè.

7.7. Thu gom và xử lý CTR

Chất thải rắn trong Khu công nghiệp được thu gom tập trung về điểm tập kết, phân loại rắn của Khu công nghiệp đặt tại lô hạ tầng kỹ thuật HT2, công suất khoảng 280 tấn/ngđ; sau khi phân loại, các chất thải rắn sẽ được vận chuyển đến khu xử lý tập trung của tỉnh Quảng Ninh (xã Vũ Oai, huyện Hoành Bồ).

7.8. Thông tin liên lạc

- Nhu cầu cấp thông tin liên lạc khoảng 15.000 lines; định hướng quy hoạch hệ thống internet, điện thoại, truyền hình cáp sử dụng công nghệ GPON hoặc tương đương.

- Xây dựng mới trạm vệ tinh công suất 15.000 lines cấp cho quy hoạch bằng đường cáp quang; tổng đài vệ tinh đặt ở các khu đất công cộng, gần các đường giao thông lớn và các trung tâm phục vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên được duyệt thuộc quản lý của UBND tỉnh Quảng Ninh; việc chấp thuận địa điểm nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án thành phần theo quy định hiện hành.

- Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long - Tập đoàn Sungroup triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các các dự án thành phần trên cơ sở tuân thủ quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, phù hợp hơn với điều kiện tự nhiên (đặc biệt là phương án san nền), đảm bảo đấu nối thống nhất với các công trình và phù hợp với tiêu chẩn, quy phạm chuyên ngành liên quan; tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật, thi công đảm bảo yêu cầu hoạt động thực tế và tính toán đến ứng phó với biến đổi khí hậu; khẩn trương thực hiện các thủ tục tiếp theo đảm bảo dúng quy định để sớm đầu tư.

- Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên có trách nhiệm quản lý quy hoạch; phối hợp phối hợp với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long - Tập đoàn Sungroup và Ban Quản lý Khu kinh tế công bố công khai quy hoạch được duyệt; lưu trữ hồ sơ; quản lý quy hoạch; quản lý giám sát việc đầu tư xây dựng trong ranh giới quy hoạch, đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn các Nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư Khu công nghiệp và cảng biển Đầm Nhà Mạc tại thị xã Quảng Yên triển khai các bước tiếp theo để được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; lựa chọn Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo quy định hiện hành; thẩm định phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần theo quy định hiện hành đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu vực, ổn định sinh hoạt của người dân khu vực giáp ranh làm cơ sở để cấp phép xây dựng (*trong quá trình nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần, yêu cầu khảo sát, đánh giá cụ thể hiện trạng thủy văn các sông, các tuyến luồng đường thủy nội địa đang khai thác và theo định hướng quy hoạch để đề xuất phương án thiết kế hệ thống bến thủy, cao độ bến, phương tiện thủy phù hợp với thực tế, công nghệ khai thác và có tính toán đến các diễn biến ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và thoát lũ các sông khu vực thượng lưu*).

- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch theo quy định.

- Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của ngành theo quy định hiện hành; hướng dẫn, triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND thị xã Quảng Yên, Giám đốc Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long - Tập đoàn Sungroup; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V2, QLĐĐ1-3, XD1-6;
- Lưu: VT, QH3.

15b QĐ01-06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Long